

MỤC LỤC

HỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

01 - 03

BÁO CÁO VÀ KIỂM THỐNG TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

04 - 33

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

34 - 47

BÁO CÁO KẾT

48 - 50

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC
SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1

Địa chỉ: Số 489 Nguyễn Lương Bằng, Quận Liên Chiểu - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 30

- Ông Trần Hoàng Nhật - Ủy viên (Đã nhiệm ngày 31/03/2017)
- Ông Phan Chí Vinh - Ủy viên
- Ông Nguyễn Hữu - Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 31/03/2017)
- Ông Phan Hiệp - Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 31/03/2017)
- Ông Trần Đình Diệp - Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 31/03/2017)
- Ban Kiểm soát
- Ông Phan Duy Nam - Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 31/03/2017)
- Ông Đặng Sĩ Đạo - Trưởng ban (Đã nhiệm ngày 31/03/2017)
- Ông Phan Duy Nam - Thành viên (Đã nhiệm ngày 31/03/2017)
- Bà Chu Thị Diệu - Thành viên
- Ông Nguyễn Triều Trọng - Thành viên (Miễn nhiệm ngày 31/03/2017)
- Ban Giám đốc
- Ông Trần Hoàng Bình - Giám đốc
- Ông Phan Chí Vinh - Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo các cách thức trung thực và hợp lý nhất nhằm thể hiện đúng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đối với lập và ban hành báo cáo tài chính giữa niên độ. Trung ương lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này. Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO1 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Hoàng Bính	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 31/03/2017)
Ông Hao Dan	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 31/03/2017)
Ông Yang Xiao Dong	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 31/03/2017)
Ông Xu Sheng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 31/03/2017)
Ông Cai Yu Hai	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 31/03/2017)
Bà Xu Xiu Li	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 31/03/2017)
Ông Trần Hoàng Bính	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 31/03/2017)
Ông Phan Đức Vinh	Ủy viên
Ông Võ Ngọc Hải	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 31/03/2017)
Ông Phan Hiệp	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 31/03/2017)
Ông Trần Đình Điệp	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 31/03/2017)

Ban Kiểm soát

Ông Phan Duy Nam	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 31/03/2017)
Ông Deng Eu Guo	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 31/03/2017)
Ông Phan Duy Nam	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31/03/2017)
Bà Chu Thị Diệu	Thành viên
Ông Nguyễn Triều Trọng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 31/03/2017)

Ban Giám đốc

Ông Trần Hoàng Bính	Giám đốc
Ông Phan Đức Vinh	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1



Trần Hoàng Bình
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Số: 595-17/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO1**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO1 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 07 năm 2017, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/06/2017, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi công nợ phải thu của Công ty CP Xây dựng điện VNECO6 với giá trị 450.851.849 đồng đã tồn đọng lâu ngày để xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi cũng như không thể thực hiện được thủ tục thay thế để đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Trong kỳ, Công ty thực hiện chi lương còn lại của năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 vượt quá số dư của nguồn lương đã trích với tổng số tiền là 1.906.280.105 đồng. Việc chi trả quá nguồn lương đã trích là chưa phù hợp với quy chế tiền lương đã ban hành. Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, Công ty vẫn chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ làm căn cứ cho việc chi trả này.

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số IV.11 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Năm 2016, Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu của Công trình DZ 110KV Cao Lãnh 2 - Thạnh Hưng với các giá trị là 1.209.939.701 đồng, giá vốn tương ứng là 1.022.062.825 đồng và Công trình DZ 220KV Quảng Ngãi - Quy Nhơn với giá trị là 320.870.238 đồng, giá vốn tương ứng là 310.045.576 đồng khi chưa có biên bản nghiệm thu. Trong kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2017 khi các Công trình nêu trên có biên bản nghiệm thu Công ty thực hiện ghi nhận giảm doanh thu đã ghi nhận của hai Công trình nêu trên vào năm 2017 và ghi nhận doanh thu của hai Công trình nêu trên theo biên bản nghiệm thu với giá trị lần lượt là 1.183.570.990 đồng và 320.870.238 đồng mà không thực hiện điều chỉnh hồi tố theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được soát xét và kiểm toán bởi Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các báo cáo này phát hành ngày 15/08/2016 và ngày 21/03/2017 với kết luận ngoại trừ và ý kiến kiểm toán chấp nhận từng phần do hạn chế về vấn đề Công ty chưa thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi và chi vượt quá số dư của nguồn lương đã trích.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.333.970.492	27.806.704.202
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	1.707.990.589	9.283.019.243
1. Tiền	111		207.990.589	483.019.243
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	8.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	30.300	22.500
1. Chứng khoán kinh doanh	121		75.014	75.014
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(44.714)	(52.514)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.302.367.291	11.746.290.942
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	10.890.677.472	8.337.442.404
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	1.012.609.845	921.360.011
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	4.379.818.923	3.468.227.476
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(980.738.949)	(980.738.949)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	8.690.270.468	6.360.326.174
1. Hàng tồn kho	141		8.690.270.468	6.360.326.174
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		633.311.844	417.045.343
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		633.311.844	417.045.343
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.587.945.692	4.485.373.619
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.459.309.286	4.247.875.958
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8.	3.091.809.286	2.877.375.958
- Nguyên giá	222		9.379.122.258	8.933.126.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.287.312.972)	(6.055.750.478)
2. TSCĐ vô hình	227	V.9.	1.367.500.000	1.370.500.000
- Nguyên giá	228		1.380.000.000	1.380.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.500.000)	(9.500.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		128.636.406	237.497.661
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	128.636.406	237.497.661
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		30.921.916.184	32.292.077.821

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.286.783.194	6.885.741.709
I. Nợ ngắn hạn	310		7.286.783.194	6.885.741.709
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	2.091.827.623	1.455.026.838
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.	3.443.149.172	2.940.829.374
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.13.	-	-
4. Phải trả người lao động	314		737.885.003	103.935.944
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.	791.959.676	2.336.015.749
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	221.961.720	213.075.132
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	(163.141.328)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.635.132.990	25.406.336.112
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	23.635.132.990	25.406.336.112
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		111.973.829	111.973.829
3. Cổ phiếu quỹ	415		(436.450.000)	(436.450.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(6.040.390.839)	(4.269.187.717)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.269.187.717)	7.456.567
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.771.203.122)	(4.276.644.284)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		30.921.916.184	32.292.077.821

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đoàn Tuấn Anh

Trần Hoàng Bình

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

Mẫu B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	4.705.232.974	11.984.664.428
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		4.705.232.974	11.984.664.428
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	4.946.538.650	10.355.046.988
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(241.305.676)	1.629.617.440
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	89.436.873	94.932.811
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	148.783	395.508
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	234.861
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	1.620.959.267	1.833.494.536
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(1.772.976.853)	(109.339.793)
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	5.350.000	252.273.220
12. Chi phí khác	32	VI.6.	3.576.269	107.686.284
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.773.731	144.586.936
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.771.203.122)	35.247.143
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	-	27.261.925
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1.771.203.122)	7.985.218
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	(604,24)	2,72

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đoàn Tuấn Anh

Trần Hoàng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO1 (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Xây lắp điện 3.1, được thành lập theo Quyết định số 158/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Xây lắp điện 3.1 thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.1. Ngày 20/03/2016, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO1 theo Quyết định số 54 QĐ/XLĐ3.1 - HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.1. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000512 lần thứ nhất ngày 31/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 02/03/2010.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3203000512 thay đổi lần thứ 3 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/03/2010 thì vốn điều lệ của Công ty là **30.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng).

Mã chứng khoán niêm yết: VE1.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp điện.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện thế đến 500 kV và các công trình nguồn điện, xây dựng;
- Dịch vụ văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và rèn luyện thân thể;
- Cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ăn uống giải khát; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;
- Vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh du lịch lữ hành;
- Tư vấn đầu tư các loại hình kinh doanh văn hoá thể thao, vui chơi giải trí;
- Dịch vụ massage và vật lý trị liệu./

Địa chỉ: Số 489 Nguyễn Lương Bằng, phường Hiệp Hòa, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

III. Chuẩn mực chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. Các chính sách kế toán chủ yếu**1. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Thời điểm ghi nhận các chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 30/06/2017, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ****6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	20 - 25
- Máy móc thiết bị	08 - 10
- Phương tiện vận tải	10
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

6.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán Fast.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Phần mềm kế toán Fast	05

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Đối với tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn Công ty không trích hao.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và giá trị công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn, thời gian sử dụng dài. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả có thời hạn trả nợ từ 01 năm trở xuống được Công ty ghi nhận là nợ phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ phải trả có thời hạn trên 01 năm được Công ty ghi nhận là nợ phải trả dài hạn.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm chi phí công trình trích trước và chi phí tiền lương đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lỗ từ hoạt động của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu hợp đồng xây lắp điện,... và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu xây lắp

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả hợp đồng xây dựng được xác định đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, phiếu giá đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận phản ánh trên hóa đơn tài chính đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Năm 2016, Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu của Công trình DZ 110KV Cao Lãnh 2 - Thạnh Hưng với các giá trị là 1.209.939.701 đồng, giá vốn tương ứng là 1.022.062.825 đồng và Công trình DZ 220KV Quảng Ngãi - Quy Nhơn với giá trị là 320.870.238 đồng, giá vốn tương ứng là 310.045.576 đồng khi chưa có biên bản nghiệm thu. Trong kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2017 khi các Công trình nêu trên có biên bản nghiệm thu Công ty thực hiện ghi nhận giảm doanh thu đã ghi nhận của hai Công trình nêu trên vào năm 2017 và ghi nhận doanh thu của hai Công trình nêu trên theo biên bản nghiệm thu với giá trị lần lượt là 1.183.570.990 đồng và 320.870.238 đồng.

Lãi tiền gửi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Doanh thu khác

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ và thu nhập khác. Các khoản thu trên được ghi nhận dựa trên, hợp đồng mua bán, Hóa đơn tài chính, phiếu thu, chứng từ ngân hàng và các chứng từ kế toán khác có liên quan.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn xây lắp được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm các khoản chi phí tài chính khác, chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư,...

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% các hàng hóa dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh các dịch vụ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền	207.990.589	483.019.243
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	<i>19.995.071</i>	<i>1.267.127</i>
Tiền gửi ngân hàng (VND)	187.995.518	481.752.116
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân	186.861.222	480.501.976
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu	1.134.296	1.250.140
Các khoản tương đương tiền	1.500.000.000	8.800.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân (*)	1.500.000.000	8.800.000.000
Cộng	1.707.990.589	9.283.019.243

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hải Vân.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2017		01/01/2017		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	
Chứng khoán kinh doanh					
Tổng Công ty CP Xây dựng điện VN - VNE	75.014	30.300	(44.714)	75.014	(52.514)
Cộng	75.014	30.300	(44.714)	75.014	(52.514)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***3. Phải thu khách hàng** Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam - TNHH	5.589.763.018	-	2.417.499.671	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO2	1.567.477.401	-	1.567.477.401	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO8	1.013.476.835	-	1.365.455.298	-
Công ty TNHH Yên Lạc	1.514.029.681	-	1.160.209.259	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	603.628.688	-	903.628.688	-
Các đối tượng khác	602.301.849	(151.450.000)	923.172.087	(151.450.000)
Cộng	10.890.677.472	(151.450.000)	8.337.442.404	(151.450.000)

4. Trả trước cho người bán

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Giải pháp dịch vụ Trường Việt	56.795.000	256.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Minh Khoa	18.800.000	250.000.000
Trần Văn Tuấn	135.950.000	131.400.000
Công ty TNHH MTV Quách Gia	203.250.000	94.500.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại - HK	-	94.207.971
Phạm Đình Cảnh	77.000.000	-
Cơ khí Minh Thạnh	70.000.000	-
Các đối tượng khác	450.814.845	95.252.040
Cộng	1.012.609.845	921.360.011

5. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- <i>Tạm ứng</i>	1.464.879.699	-	1.281.350.070	-
Phan Đức Vinh	286.261.424	-	314.029.631	-
Chu Thị Diệu	2.520.000	-	32.035.200	-
Nguyễn Công Trứ	183.787.854	-	169.572.494	-
Trần Văn Hùng	58.863.035	-	160.460.967	-
Đoàn Thanh Minh	231.398.202	-	176.932.202	-
Võ Ngọc Hải	535.664.448	-	304.718.143	-
Các đối tượng khác	166.384.736	-	123.601.433	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

- Các khoản phải thu khác	2.914.939.224	(829.288.949)	2.186.877.406	(829.288.949)
Phải thu người lao động về tiền lương ứng trước (*)	1.906.280.105	-	1.264.178.913	-
Doanh nghiệp tư nhân Phúc Hiền	118.628.842	(118.628.842)	118.628.842	(118.628.842)
Dự thu tiền lãi	9.400.000	-	38.364.444	-
Dư nợ TK 353	163.141.328	-	-	-
Các đối tượng khác	717.488.949	(710.660.107)	765.705.207	(710.660.107)
Cộng	4.379.818.923	(829.288.949)	3.468.227.476	(829.288.949)

(*) Do Công ty chưa hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra, nên để đảm bảo thu nhập cho cán bộ công nhân viên, Công ty đã ứng trước lương cho người lao động. Khoản tiền ứng trước này Công ty sẽ thu hồi dần khi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh được cải thiện trong thời gian tới.

b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi				
Phải thu khách hàng				
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hoàng Hà	45.950.000	-	45.950.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng thương mại 5	105.500.000	-	105.500.000	-
Phải thu khác				
Doanh nghiệp tư nhân Phúc Hiền	118.628.842	-	118.628.842	-
Nguyễn Văn Thắng	39.000.000	-	39.000.000	-
Nguyễn Long Quân	975.963	-	975.963	-
Phạm Duy Toàn	886.000	-	886.000	-
Các khoản phải thu khác	669.798.144	-	669.798.144	-
Cộng	980.738.949	-	980.738.949	-

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.579.048	-	18.579.048	-
Công cụ, dụng cụ	16.827.331	-	16.827.331	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.654.864.089	-	6.324.919.795	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư ngày 01/01/2017	1.888.674.558	4.208.371.151	2.786.080.727	50.000.000	8.933.126.436	
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	445.995.822	-	-	-	445.995.822	
Số dư ngày 30/06/2017	2.334.670.380	4.208.371.151	2.786.080.727	50.000.000	9.379.122.258	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2017	1.722.768.003	3.415.142.162	867.840.313	50.000.000	6.055.750.478	
- Khấu hao trong kỳ	28.783.005	37.810.329	164.969.160	-	231.562.494	
Số dư ngày 30/06/2017	1.751.551.008	3.452.952.491	1.032.809.473	50.000.000	6.287.312.972	
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2017	165.906.555	793.228.989	1.918.240.414	-	2.877.375.958	
- Tại ngày 30/06/2017	583.119.372	755.418.660	1.753.271.254	-	3.091.809.286	

- Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết tại ngày 30/06/2017 nhưng vẫn còn sử dụng là 3.438.386.420 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư ngày 01/01/2017	1.350.000.000	30.000.000	1.380.000.000
Số dư ngày 30/06/2017	1.350.000.000	30.000.000	1.380.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2017	-	9.500.000	9.500.000
Khấu hao trong kỳ	-	3.000.000	3.000.000
Số dư ngày 30/06/2017	-	12.500.000	12.500.000
Giá trị còn lại			
- Tại ngày 01/01/2017	1.350.000.000	20.500.000	1.370.500.000
- Tại ngày 30/06/2017	1.350.000.000	17.500.000	1.367.500.000

10. Chi phí trả trước

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	106.504.461	197.907.384
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	22.131.945	39.590.277
Cộng	128.636.406	237.497.661

11. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty CP Cơ điện Hoàng Hưng	1.671.687.623	1.671.687.623	819.649.233	819.649.233
Công ty TNHH MTV Xây dựng tổng hợp Năm Quân Cà Mau	-	-	513.847.605	513.847.605
Các đối tượng khác	420.140.000	420.140.000	121.530.000	121.530.000
Cộng	2.091.827.623	2.091.827.623	1.455.026.838	1.455.026.838

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***12. Người mua trả tiền trước**

	30/06/2017	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Công ty Điện lực 2	636.776.967	1.350.000.000
Điện Lực Quảng Nam	724.319.856	-
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	2.082.052.349	1.590.829.374
Cộng	3.443.149.172	2.940.829.374

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017
Phải nộp				
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	388.500	388.500	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	-	3.388.500	3.388.500	-

14. Chi phí phải trả

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí công trình ĐZ & TBA 22KV Phú Tân - Cà Mau	349.034.676	1.961.393.419
Trích trước chi phí công trình ĐZ 220KV Quảng Ngãi - Quy Nhơn	193.175.000	192.205.000
Trích trước chi phí công trình ĐZ 110KV Cao Lãnh 2 - Thạnh Hưng	203.250.000	144.917.330
Tiền lương hội đồng quản trị và ban kiểm soát quý 1/2017	46.500.000	37.500.000
Cộng	791.959.676	2.336.015.749

15. Phải trả khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	30.250.604	47.596.786
Bảo hiểm xã hội	123.302.033	81.610.427
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	68.409.083	83.867.919
<i>Bảo hiểm xã hội TP Đà Nẵng</i>	<i>380.700</i>	<i>380.700</i>
<i>Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng</i>	<i>469.100</i>	<i>312.517</i>
<i>Các khoản phải trả cán bộ công nhân viên</i>	<i>64.894.863</i>	<i>64.894.863</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>-</i>	<i>18.279.839</i>
<i>Dư có TK 141</i>	<i>2.664.420</i>	<i>-</i>
Cộng	221.961.720	213.075.132

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECOI

Địa chỉ: Số 489 Nguyễn Lương Bằng, Quận Liên Chiểu - TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017

đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***16. Vốn chủ sở hữu****16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư ngày 01/01/2016	30.000.000.000	111.973.829	(436.450.000)	7.456.567	29.682.980.396
Lỗi trong năm trước	-	-	-	(4.276.644.284)	(4.276.644.284)
Số dư ngày 31/12/2016	30.000.000.000	111.973.829	(436.450.000)	(4.269.187.717)	25.406.336.112
Lỗi trong kỳ này	-	-	-	(1.771.203.122)	(1.771.203.122)
Số dư ngày 30/06/2017	30.000.000.000	111.973.829	(436.450.000)	(6.040.390.839)	23.635.132.990

16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2017	01/01/2017	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp đầu kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

16.4 Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	68.720	68.720
Cổ phiếu phổ thông	68.720	68.720
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.931.280	2.931.280
Cổ phiếu phổ thông	2.931.280	2.931.280
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu hợp đồng xây lắp	4.705.232.974	11.984.664.428
Cộng	4.705.232.974	11.984.664.428

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây lắp	4.946.538.650	10.355.046.988
Cộng	4.946.538.650	10.355.046.988

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	89.436.873	94.932.811
Cộng	89.436.873	94.932.811

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	-	234.861
Các khoản chi phí tài chính khác	156.583	157.347
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	3.300
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(7.800)	-
Cộng	148.783	395.508

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Thu nhập từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	122.808.092
Tiền phạt cán bộ công nhân viên	-	5.592.500
Thuế giá trị gia tăng không còn phải nộp Nhà nước	-	117.767.628
Thanh lý công cụ dụng cụ	500.000	6.105.000
Thu khác (được hỗ trợ, thu hộ, được bồi thường...)	4.850.000	-
Cộng	5.350.000	252.273.220

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	1.763.231	968.953
Các khoản truy thu và phạt thuế	1.813.038	93.121.531
Các khoản chi phí khác	-	13.595.800
Cộng	3.576.269	107.686.284

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	671.361.135	859.665.291
Chi phí vật liệu quản lý	12.962.634	13.577.274
Khấu hao tài sản cố định	31.783.004	28.783.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.154.089	78.904.914
Thuế, phí, lệ phí	3.388.500	99.442.510
Chi phí bằng tiền khác	723.309.905	753.121.543
Cộng	1.620.959.267	1.833.494.536

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.613.924.853	2.487.635.648
Chi phí nhân công	1.485.350.288	4.933.899.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	231.562.494	265.946.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	523.002.429	1.481.706.999
Chi phí bằng tiền khác	1.142.938.933	1.481.706.999
Cộng	8.996.778.997	10.650.895.607

9. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:		
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	4.800.019.847	12.331.870.459
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:		
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	6.571.222.969	12.296.623.316
Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	-	101.062.484
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.771.203.122)	136.309.627
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	27.261.925
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.771.203.122)	7.985.218
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.771.203.122)	7.985.218
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.931.280	2.931.280
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(604,24)	2,72

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	-	402.617.916

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Phan Đức Vinh

Mối quan hệ

Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc

b) Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tạm ứng	286.261.424	314.029.631
Phan Đức Vinh	286.261.424	314.029.631

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***c) Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lương, thưởng Ban Giám đốc	109.790.000	143.373.000
Cộng	109.790.000	143.373.000

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.707.990.589	9.283.019.243
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	23.635.132.990	25.406.336.112
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.707.990.589	9.283.019.243
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.289.757.446	10.824.930.931
Các khoản đầu tư tài chính	30.300	22.500
Cộng	15.997.778.335	20.107.972.674
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	2.313.789.343	1.668.101.970
Chi phí phải trả	791.959.676	2.336.015.749

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Cộng**3.105.749.019****4.004.117.719**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
30/06/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.313.789.343	-	2.313.789.343
Chi phí phải trả	791.959.676	-	791.959.676
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
01/01/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.668.101.970	-	1.668.101.970

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Chi phí phải trả 2.336.015.749 - 2.336.015.749

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
30/06/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.707.990.589	-	1.707.990.589
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.289.757.446	-	14.289.757.446
Các khoản đầu tư tài chính	30.300	-	30.300
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.283.019.243	-	9.283.019.243
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.824.930.931	-	10.824.930.931
Các khoản đầu tư tài chính	22.500	-	22.500

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO1

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đoàn Tuấn Anh

Trần Hoàng Bình

CÔNG TY CPXD ĐIỆN VNECO1
Số: 148 VNCO1/TCKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/V: Giải trình các điểm loại trừ của kiểm toán
Báo cáo tài chính quý 2 năm 2017

Đà Nẵng ngày 14 tháng 8 năm 2017

Kính gửi : **Ủy ban chứng khoán nhà nước**
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên công ty : Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Điện VNECO1

Mã chứng khoán : VE1

Địa chỉ : 489 Nguyễn Lương Bằng, P.Hoà Hiệp Nam, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Điện thoại : 0511.3772001 Fax : 0511.3772006

Về ý kiến loại trừ của kiểm toán đối với báo cáo tài chính quý 2 năm 2017 theo quy định của Bộ Tài Chính Công ty giải trình như sau :

1.Về việc Công ty chưa thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi với giá trị 450.851.849 đồng .Đây là một khoản nợ phải thu của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO6. Công ty VNECO6 cùng với Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO1 có quan hệ với nhau trong tổ hợp trực thuộc Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam -VNECO . Hiện nay Công ty vẫn thực hiện các bước để thu hồi công nợ do đó Công ty chưa đưa khoản này vào trích lập dự phòng.

2.Về khoản chi lương còn lại của năm năm 2016 và các năm trước vượt quá số dư của nguồn lương đã trích với tổng số tiền 1.906.280.105 .Do trong năm 2016 và các năm trước là năm cực kỳ khó khăn, Công ty chưa hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đặt ra , nên để đảm bảo thu nhập cho cán bộ công nhân viên , Công ty đã ứng trước lương cho người lao động .Khoản tiền ứng trước này Công ty sẽ thu hồi dần khi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh được cải thiện trong năm tới.

3.Việc ghi giảm doanh thu đã ghi nhận của năm 2016 của công trình DZ 110KV Cao Lãnh 2-Thạnh Hưng và DZ 220KV Quảng Ngãi-Quy Nhơn .Hai công trình này thi công và đã có khối lượng trong năm 2016, DZ 110KV Cao Lãnh 2-Thạnh Hưng phiếu giá thanh toán đề ngày 02/01/2017, còn Dz 220KV Quảng Ngãi-Quy Nhơn phiếu giá thanh toán năm trong năm 2016.Vì hai công trình này thời điểm nghiệm thu , lên phiếu giá thanh toán vào cuối năm bận rộn nên không thể xuất hoá đơn vào năm 2016 được mà phải xuất hoá đơn vào đầu năm 2017.Do vậy Công ty ghi nhận doanh thu vào quý 4/2016 và đầu năm 2017 ghi âm doanh thu lại để tránh bị trùng ghi nhận doanh thu hai lần.

Hướng khắc phục : Công ty thực hiện các biện pháp pháp lý để thu hồi khoản công nợ phải thu đối với Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO6 .Đồng thời trong năm tới đẩy mạnh quá trình đấu thầu tìm kiếm việc làm để cải thiện tình hình sản xuất kinh doanh để bù đắp khoản tiền lương vượt trên.

Xin trân trọng cảm ơn./.



TRẦN HOÀNG BÌNH